

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4123/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế gồm các nội dung chính sau:

1. Tên gọi: Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế (Tên tiếng Anh: Phong Dien Nature Reserve).

2. Mục tiêu thành lập

a) Mục tiêu chung

Bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái rừng tự nhiên vùng đất thấp tại Trung Trường Sơn, đóng vai trò quan trọng trong hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn, góp phần duy trì nguồn nước cho các con sông quan trọng của Thành phố

Huế. Đồng thời, Khu Dự trữ thiên nhiên sẽ bảo vệ sự đa dạng sinh học, tập trung vào các loài động, thực vật quý hiếm như Sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*), Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*), Mang trường sơn (*Muntiacus truongsonensis*), Vượn đen má vàng (*Nomascus annamensis*), Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*), Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*), Bò tót (*Bos gaurus*), Cây vằn (*Chrotogale owstoni*), Trĩ sao (*Rheinardia ocellata*), Gà lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsi*) và các loài thực vật quý như Lim xanh (*Erythrophloeum fordii*), Đinh cánh (*Pauldopia ghorta*), Đinh tùng hải nam (*Cephalotaxus mannii*), Ngoài ra, việc thành lập Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền còn nhằm phát triển dịch vụ môi trường rừng, hấp thụ và lưu giữ carbon, giảm phát thải khí nhà kính, từ đó thúc đẩy tăng trưởng xanh và nâng cao giá trị của hệ sinh thái rừng.

b) Mục tiêu

- Hoàn thiện hệ thống thể chế chính sách quản lý Khu Dự trữ thiên nhiên, hệ thống tổ chức, chính sách về bảo tồn đa dạng sinh học. Nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên quý giá và thúc đẩy phát triển bền vững tại khu vực.

- Hoàn thiện cơ cấu phân khu chức năng theo luật định và cập nhật, hệ thống hóa dữ liệu khoa học Khu Dự trữ thiên nhiên.

- Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có và tăng độ che phủ của rừng lên 93,5%. Duy trì giá trị sinh thái và chức năng phòng hộ đầu nguồn của khu vực đối với các con sông lớn Mỹ Chánh, Ô Lâu, Sông Bồ trên địa bàn quản lý; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên phạm vi diện tích được giao.

- Bảo tồn và phục hồi đa dạng sinh học, tập trung vào các loài Sao la, Mang lớn, Mang trường sơn, Gà lôi lam mào trắng, Trĩ sao và nhiều loài quý hiếm khác.

- Duy trì và phục hồi hệ sinh thái rừng đặc trưng của Trung Trường Sơn, bảo tồn nguồn gen quý hiếm, đảm bảo môi trường sống tự nhiên cho các loài động, thực vật hoang dã.

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương vào công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thông qua các chương trình hỗ trợ sinh kế bền vững.

- Phát triển và mở rộng dịch vụ hệ sinh thái, triển khai các hoạt động dịch vụ môi trường rừng, thu hút đầu tư vào các chương trình bảo tồn và phát triển du lịch sinh thái bền vững.

- Nâng cao năng lực quản lý, giám sát và nghiên cứu khoa học, thúc đẩy hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng nghiêm ngặt, ngăn chặn các hoạt động khai thác rừng trái phép, săn bắt động vật hoang dã, khai thác khoáng sản trái phép và các hành vi xâm hại tài nguyên rừng.

- Tổ chức các chương trình giáo dục môi trường, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng và cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ, phát triển rừng, đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của khu dự trữ thiên nhiên.

3. Vị trí địa lý, diện tích, ranh giới

a) Vị trí địa lý

Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế nằm phần lớn trên địa bàn phường Phong Điền và một phần xã A Lưới 1 và A Lưới 5.

Tọa độ vị trí địa lý như sau:

- Kinh độ: Từ 107°03' đến 107°20' độ kinh Đông

- Vĩ độ: Từ 16°17' đến 16°35' độ vĩ Bắc.

b) Diện tích

Tổng diện tích của Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền là 40.760,47 ha, trong đó: Diện tích rừng tự nhiên 36.960,47 ha; diện tích rừng trồng 1.098,95 ha; diện tích chưa có rừng 2.701,05 ha. Phân theo địa bàn hành chính: diện tích thuộc phường Phong Điền: 35.140,54 ha; diện tích thuộc xã A Lưới 1: 3.024,60 ha và xã A Lưới 5: 2.595,33 ha.

c) Ranh giới

Ranh giới của Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền được xác định dựa trên ranh giới các khoảnh thuộc các tiểu khu như sau: tiểu khu 273 gồm các khoảnh 1 đến 8; tiểu khu 274 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 275 gồm các khoảnh từ 1 đến 9; tiểu khu 267 gồm các khoảnh từ 1 đến 11; tiểu khu 268 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 269 gồm các khoảnh từ 1 đến 7; tiểu khu 21 gồm các khoảnh từ 1 đến 10; tiểu khu 22 gồm các khoảnh từ 1 đến 14; tiểu khu 25 gồm các khoảnh từ 1 đến 7; tiểu khu 26 gồm các khoảnh từ 1 đến 3 và 5 đến 13; tiểu khu 27 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 28 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 29 gồm các khoảnh từ 1 đến 11; tiểu khu 31 gồm các khoảnh từ 1 đến 9; tiểu khu 32 gồm các khoảnh từ 1 đến 14; tiểu khu 33 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 34 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 35 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 37 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 38 gồm các khoảnh từ 1 đến 7; tiểu khu 39 gồm các khoảnh từ 1 đến 6; tiểu khu 40 gồm các khoảnh từ 1 đến 10; tiểu khu 43 gồm các khoảnh từ 1 đến 6; tiểu khu 45 gồm các khoảnh từ 1 đến 12; tiểu khu 46 gồm các khoảnh từ 1 đến 9; tiểu khu 47 gồm các khoảnh từ 1 đến 5; tiểu khu 48 gồm các khoảnh từ 1 đến 10; tiểu khu 50 gồm các khoảnh từ 1 đến 5; tiểu khu 51 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 52 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 53 gồm các khoảnh từ 1 đến 5; tiểu khu 54 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 55 gồm các khoảnh từ 1 đến 9; tiểu khu 56 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 57 gồm các khoảnh từ 1 đến 9; tiểu khu 65 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 68 gồm các khoảnh từ 1 đến 7; tiểu khu 70 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 71 gồm các khoảnh từ 1 đến 7; tiểu khu 72 gồm các khoảnh từ 1 đến 9; tiểu khu 73 gồm

các khoảnh từ 1 đến 6; tiểu khu 74 gồm các khoảnh từ 1 đến 10; tiểu khu 75 gồm các khoảnh từ 1 đến 4.

4. Các phân khu chức năng

a) Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt

Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích là 24.964,31 ha, chiếm 61,25% diện tích tự nhiên của Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế.

Ranh giới cụ thể của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: tiểu khu 31 gồm các khoảnh từ 1 đến 9; tiểu khu 34 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 35 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 37 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 38 gồm các khoảnh từ 3 đến 7; tiểu khu 39 gồm các khoảnh từ 1 đến 6; tiểu khu 40 gồm các khoảnh từ 1 đến 10; tiểu khu 43 gồm các khoảnh từ 1 đến 6; tiểu khu 45 gồm các khoảnh từ 1 đến 12; tiểu khu 46 gồm các khoảnh từ 1 đến 9; tiểu khu 47 gồm các khoảnh từ 1 đến 5; tiểu khu 48 gồm các khoảnh từ 1 đến 10; tiểu khu 52 gồm các khoảnh từ 1 đến 2; tiểu khu 53 gồm các khoảnh từ 1 đến 5; tiểu khu 55 gồm các khoảnh từ 3 đến 4; tiểu khu 56 gồm các khoảnh từ 1 đến 7; tiểu khu 57 gồm các khoảnh từ 1 đến 3 và 6 đến 9; tiểu khu 71 gồm các khoảnh từ 5 đến 7; tiểu khu 72 gồm các khoảnh từ 1 đến 9; tiểu khu 73 gồm các khoảnh từ 2 đến 6; tiểu khu 74 gồm các khoảnh từ 2 đến 10; tiểu khu 75 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 267 gồm các khoảnh từ 1 đến 11; tiểu khu 268 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 269 gồm các khoảnh từ 1 đến 7; tiểu khu 273 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 274 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 275 gồm các khoảnh từ 1 đến 9.

b) Phân khu phục hồi sinh thái

Phân khu phục hồi sinh thái có diện tích là 14.945,60 ha, chiếm 36,66% diện tích tự nhiên của Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế.

Ranh giới cụ thể của phân khu phục hồi sinh thái: tiểu khu 21 gồm các khoảnh từ 1 đến 10; tiểu khu 22 gồm các khoảnh từ 1 đến 14; tiểu khu 25 gồm các khoảnh từ 1 đến 7; tiểu khu 26 gồm các khoảnh từ 1 đến 3 và 5 đến 13; tiểu khu 27 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 28 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 29 gồm các khoảnh từ 1 đến 11; tiểu khu 32 gồm các khoảnh từ 1 đến 5; tiểu khu 33 gồm các khoảnh từ 1 đến 3 và 5 đến 6; tiểu khu 50 gồm các khoảnh từ 1 đến 5; tiểu khu 51 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 52 gồm các khoảnh từ 3 đến 4; tiểu khu 54 gồm các khoảnh từ 1 đến 8; tiểu khu 55 gồm các khoảnh từ 1 đến 2 và 5 đến 9; tiểu khu 56 gồm khoảnh 8; tiểu khu 57 gồm khoảnh từ 4 và 5; tiểu khu 65 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 70 gồm các khoảnh từ 1 đến 2; tiểu khu 71 gồm các khoảnh từ 1 đến 4; tiểu khu 73 gồm khoảnh 1; tiểu khu 74 gồm khoảnh 1.

c) Phân khu dịch vụ, hành chính

Phân khu dịch vụ, hành chính có diện tích là 850,56 ha, chiếm 2,09% diện tích tự nhiên của Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế.

Ranh giới cụ thể của phân khu dịch vụ, hành chính: tiểu khu 33 gồm 4, 7 và

8; tiểu khu 38 gồm khoảnh 1 và 2; tiểu khu 70 gồm khoảnh 3 và 4.

5. Vùng đệm

Tổng diện tích vùng đệm của Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền có diện tích 33.545,35 ha, trong đó: phường Phong Điền có diện tích 19.094,88 ha; xã A Lưới 1 có diện tích 13.024,01 ha và xã A Lưới 2 có diện tích 1.426,46 ha.

Ranh giới vùng đệm của Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền như sau: vùng đệm phường Phong Điền tiếp giáp với tiểu khu 26 (khoảnh 1, 9, 7, 6), tiểu khu 33 (khoảnh 8, 2, 7, 1), tiểu khu 38 (khoảnh 2), tiểu khu 43 (khoảnh 1, 2, 3), tiểu khu 50 (khoảnh 1, 2, 4), (khoảnh 1, 2, 4), tiểu khu 68 (khoảnh 5, 7), tiểu khu 72 (khoảnh 3, 4, 5, 6, 7); vùng đệm xã A Lưới 1 tiếp giáp với tiểu khu 268 (khoảnh 8), tiểu khu 269 (khoảnh 5, 7), tiểu khu 75 (khoảnh 1 và 4), tiểu khu 268 (khoảnh 8, 4, 3), tiểu khu 267 (khoảnh 9), tiểu khu 57 (khoảnh 7, 8, 9); vùng đệm xã A Lưới 2 tiếp giáp với tiểu khu 269 (khoảnh 7).

6. Các chương trình hoạt động

- a) Chương trình quản lý hệ sinh thái rừng.
- b) Chương trình giám sát sinh cảnh.
- c) Chương trình sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái rừng.
- d) Chương trình hỗ trợ sinh kế bền vững và phát triển vùng đệm.
- đ) Chương trình truyền thông môi trường.
- e) Chương trình cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền.
- f) Chương trình hợp tác quốc tế.

7. Khái toán vốn đầu tư

- a) Tổng vốn đầu tư

Kinh phí thực hiện dự án đến năm 2030 là 106.055.000.000 đồng được huy động từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- b) Tiến độ đầu tư

Năm 2025: 19.758.200.000 đồng; năm 2026: 17.259.360.000 đồng; năm 2027: 17.259.360.000 đồng; năm 2028: 17.259.360.000 đồng; năm 2029: 17.259.360.000 đồng; năm 2030: 17.259.360.000 đồng.

- c) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư

Nguồn ngân sách cấp cho kinh phí thường xuyên cho các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên: 16.550.400.000 đồng.

Nguồn thu từ chương trình chi trả dịch vụ môi trường rừng: 43.205.760.000 đồng.

Nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính và dịch vụ khác: 44.498.840.000 đồng.

Nguồn thu khác (hỗ trợ của tổ chức trong và ngoài nước; nguồn tài trợ): 1.800.000.000 đồng.

Nguồn vốn dự án đầu tư công: Ban Quản lý Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế sẽ xây dựng hồ sơ dự án đầu tư công, trình phê duyệt để thực hiện các hạng mục như: xây dựng Văn phòng Ban Quản lý, các Trạm, Đội, thiết kế các hạng mục liên quan đến diễn giải, giáo dục môi trường, cứu hộ động vật hoang dã...

Nguồn vốn từ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế sẽ được tiếp nhận nhằm mục đích nâng cao năng lực cán bộ của Ban Quản lý, đầu tư trang thiết bị, vật chất, cũng như tăng cường công tác thực thi pháp luật, bảo tồn thiên nhiên cho Ban Quản lý Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các ban ngành địa phương liên quan tham mưu UBND thành phố Quyết định thành lập Ban Quản lý Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế trên cơ sở kiện toàn lại Ban Quản lý Khu Bảo tồn Phong Điền, thành phố Huế theo quy định.

- Tham mưu hoàn thiện các thủ tục liên quan đến rừng, và đất rừng cho Ban Quản lý Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền quản lý theo đúng quy định pháp luật.

- Ban Quản lý Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế trực thuộc sự quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Ban Quản lý Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế xây dựng các dự án đầu tư phát triển Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế và các dự án phát triển kinh tế xã hội ở vùng đệm; triển khai các Chương trình hoạt động của Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND thành phố tham mưu bố trí nguồn lực phù hợp theo khả năng cân đối, đảm bảo triển khai thực hiện dự án hiệu quả.

- Theo dõi, kiểm tra và đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2979/QĐ-UB ngày 13 tháng 11 năm 2002 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND phường Phong Điền, Chủ tịch UBND xã A Lưới 1 và Chủ tịch UBND xã A Lưới 5; Giám đốc Ban Quản lý Khu Dự trữ thiên nhiên Phong Điền, thành phố Huế; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, NVTC, ĐC;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Hải Minh